

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ 3 - NĂM 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Kỳ Nay	Kỳ Trước
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	19	98,348,859,261	79,828,490,062
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98,348,859,261	79,828,490,062
4. Giá vốn hàng bán	11	20	77,854,599,416	66,972,223,625
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20,494,259,845	12,856,266,437
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	485,448,870	420,229,439
7. Chi phí tài chính	22	22	3,295,444,989	328,653,980
-Trong đó: Lãi vay phải trả	23		2,503,274,509	320,601,133
8. Chi phí bán hàng	24		143,839,430	275,731,355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,824,748,927	2,562,226,043
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		14,715,675,369	10,109,884,498
11. Thu nhập khác	31		109,885,684	608,013,598
12. Chi phí khác	32			361,049,483
13. Lợi nhuận khác	40		109,885,684	246,964,115
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		14,825,561,053	10,356,848,613
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3,701,915,263	2,770,445,607
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11,123,645,790	7,586,403,006
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(14,226,612)	(208,838,610)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		11,137,872,402	7,795,241,616
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Hồng Nga

Bùi Thị Hồng Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Sinh Thiện

Vũ Sinh Thiện



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Chính